

Bản án số: 69/2018/HS-ST
Ngày: 19-9-2018

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Ngô Trung Giàu

Bà Trần Thị Kim Mỹ

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Vàng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 70/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

TRẦN THANH M (M Tàng), sinh năm: 1992 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1027, ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Q, sinh năm: 1971 và bà Huỳnh Thị Kim C, sinh năm: 1971; Sống chung như vợ chồng với: Nguyễn Thị Bích V, sinh năm: 1995; Có 01 người con sinh năm 2012; Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2013/HSST ngày 30/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 05 năm 3 tháng tù về các tội “Trộm cắp tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 138, khoản 1 Điều 140, khoản 1 Điều 311 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, nhưng được trừ thời hạn tạm giam là 02 tháng 14 ngày tù, thời hạn tù còn lại phải chấp hành là 05 năm 16 ngày tù. Tổng hợp hình phạt tại hai bản án số 37/2012/HSST ngày 11/7/2012 và 38/2012/HSST ngày 13/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là 06 năm 3 tháng 16 ngày tù; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/5/2018. (Có mặt)

- Bị hại:

Phan Trọng N, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: Số 309, khu phố N, Phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 03/5/2018, Ngô Văn Dũng (không rõ địa chỉ cụ thể) điều khiển xe mô tô chở Trần Thanh M từ tỉnh Long An về tỉnh Bến Tre. Khi chạy ngang quán cà phê ở số 102, khu phố H, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, Dũng phát hiện xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Jupiter, màu đen, biển số 63B9-800.45 của anh Phan Trọng N dừng trước cửa quán nhưng không người trông coi nên rủ M vào lấy trộm xe mô tô thì M đồng ý. Để thực hiện ý định, Dũng và M vào quán cà phê và đến ngồi gần xe của anh N uống nước để tiếp cận xe của anh N. Được một lúc, Dũng dùng tay bứt dây điện khóa của xe mô tô biển số 63B9-800.45 rồi ra ngoài lấy xe mô tô của Dũng chạy đi trước còn M đến nổ máy lấy xe mô tô biển số 63B9-800.45 của anh N chạy về hướng vòng xoay Phú Khương. Khi đến khu vực công trường Sáu Sờ thuộc tổ tổ nhân dân tự quản số 10, khu phố H, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre thì xe mô tô biển số 63B9-800.45 bị tắt máy nên M đem giấu vào bụi cây trước cổng công trường rồi lên xe của Dũng để Dũng chở về huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau đó, Dũng điện thoại kêu một người bạn (không rõ họ tên và địa chỉ) đem xe mô tô biển số 63R1-8522 đến cho M để M chạy xuống chỗ giấu xe để lấy xe 63B9-800.45 đem về. Trên đường đi, M gặp và chở Nguyễn Thị Thanh T đến lấy xe nhưng khi M chở Thủy đến trước cổng công trường thì bị lực lượng công an phát hiện mời về trụ sở làm việc và M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Jupiter, màu đen, biển số 63B9-800.45, số khung 0710HK196067, số máy G3E6E0276352.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 63R1-8522.
- 01 giấy chứng M N dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn H.
- 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 71B2-519.55 mang tên Trịnh Thị Kim Q.
- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thanh T.
- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Khánh L.
- 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn C.
- 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 71B1-896.44 mang tên Bùi Quốc T.
- 01 đoạn camera ghi nhận hình ảnh Trần Thanh M đem xe đến giấu ở trước cổng công trường Sáu Sờ (do Nguyễn Ngọc T – cán bộ kỹ thuật công trình Sáu Sờ giao nộp).

Theo bảng kết luận định giá trị tài sản số 394/KL-HĐĐG ngày 08/5/2018 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu

YAMAHA, số loại Jupiter, màu đen, biển số 63B9-800.45, số khung 0710HK196067, số máy G3E6E0276352 trị giá vào ngày 03/5/2018 là 37.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 67/CT-VKSTPBT ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Trần Thanh M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị: áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Thanh M từ 02 đến 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả lại cho bị hại Phan Trọng N tài sản bị chiếm đoạt và bị hại không yêu cầu gì khác; trả cho Nguyễn Văn H 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn H; trả cho Trịnh Thị Kim Q 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 71B2-519.55 mang tên Trịnh Thị Kim Q; trả cho Nguyễn Thị Thanh T 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thanh T; Chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang 01 xe mô tô biển số 63R1-8522, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn C và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Khánh L để xử lý theo thẩm quyền; Giao cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 71B1-896.44 mang tên Bùi Quốc T để tiếp tục xác M và xử lý theo thẩm quyền. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định.

Bị cáo Trần Thanh M có lời khai tại phiên tòa là vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 03/5/2018, tại quán cà phê ở số 102, khu phố H, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo đã có hành vi câu kết với đối tượng tên Ngô Văn Dũng (không rõ lai lịch) lén lút chiếm đoạt của bị hại Phan Trọng N 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Jupiter, màu đen, biển số 63B9-800.45. Sau đó, hành vi của bị cáo bị phát hiện và thu giữ tang vật. Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật về đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Trần Thanh M tại phiên tòa là vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 03/5/2018, tại quán cà phê ở số 102, khu phố H, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo đã có hành vi câu kết với đối tượng tên Ngô Văn Dũng (không rõ lai lịch) lén lút chiếm đoạt của bị hại Phan Trọng N 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Jupiter, màu đen, biển số 63B9-800.45. Sau đó, hành vi của bị cáo bị phát hiện và thu giữ tang vật. Đối chiếu với lời khai của bị hại và các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra là phù hợp nhau. Giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại được xác định qua kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản là 37.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với giá trị, không khiếu nại gì, Hội đồng xét xử căn cứ giá trị Hội đồng định giá xác định để xét xử đối với bị cáo. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện và hậu quả đã xảy ra. Mặc dù giá trị tài sản bị chiếm đoạt có giá trị chưa đến 50.000.000 đồng, nhưng bị cáo đã bị Tòa án kết án về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “có tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên 05 lần và lấy những lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính), chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Thanh M phạm tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “có tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá N, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng N dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục vi phạm nên bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng như thành khẩn khai báo, có nghĩa vụ nuôi con chưa đủ 18 tuổi theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Phan Trọng N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô biển số 63B9-800.45 và không yêu cầu gì khác là tự nguyện nên được ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả lại cho bị hại Phan Trọng N tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô biển số 63B9-800.45; trả cho Nguyễn Văn H 01 giấy chứng minh dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn

Văn H; trả cho Trịnh Thị Kim Q 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 71B2-519.55 mang tên Trịnh Thị Kim Q; trả cho Nguyễn Thị Thanh T 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thanh T. Xét thấy, đây là tài sản và giấy tờ cá nhân thuộc quyền sở hữu hợp pháp và quản lý của các chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho họ là phù hợp nên ghi nhận.

Đối với 01 xe mô tô biển số 63R1-8522, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn C và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Khánh L là vật chứng trong vụ án khác nên Cơ quan điều tra đã chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang xử lý theo thẩm quyền là phù hợp nên ghi nhận.

Đối với 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 71B1-896.44 mang tên Bùi Quốc T hiện chưa rõ nguồn gốc nên giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo thẩm quyền.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo Trần Thanh M “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với đối tượng tên Ngô Văn Dũng do không rõ địa chỉ cụ thể nên kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre tiếp tục truy tìm Ngô Văn Dũng để xử lý theo pháp luật. Đối với Nguyễn Thị Thanh T khi đi cùng bị cáo M đến lấy xe mô tô biển số 63B9-800.45 không biết tài sản này do M trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Trần Thành M phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh M (M Tàng) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thanh M (M Tàng) 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 03/5/2018.

2. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự:

Ghi nhận Phan Trọng N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 (một) xe mô tô biển số 63B9-800.45 và không yêu cầu gì khác.

3. Áp dụng 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả lại cho bị hại Phan Trọng N tài sản bị chiếm đoạt là 01 (một) xe mô tô biển số 63B9-800.45; trả cho Nguyễn Văn H 01 (một) giấy chứng minh nhân dân và 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn H; trả cho Trịnh Thị Kim Q 01 (một) giấy phép lái xe, 01 (một) giấy chứng minh nhân dân và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 71B2-519.55 mang tên Trịnh Thị Kim Q; trả cho Nguyễn Thị Thanh T 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thanh T; chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang 01 (một) xe mô tô biển số 63R1-8522, 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn C và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Khánh Linh.

- Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 71B1-896.44 mang tên Bùi Quốc T để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo thẩm quyền.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/8/2018, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre đang quản lý)

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thanh M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre (1b)
- Bị cáo, bị hại (2b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Ngô Văn Trình